

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa
chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn
Ngọc A

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Loan

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1993; căn cước công dân số 036193004293; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 7/142/192 đường Trần Huy L, phường Trường T, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 5/32/291 đường Văn C, phường Văn M, TPNĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1976; căn cước công dân số 036076004576; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 7/142/192 đường Trần Huy L, phường Trường T, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 5/32/291 đường Văn C, phường Văn M, TPNĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân phường Trường T - TPNĐ vào ngày 30-11-2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Ngọc A vay nợ sử dụng vào mục đích cá nhân dẫn đến việc vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Năm 2019 chị có nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn nhưng sau đó chị đã rút đơn khởi kiện để cho anh Nguyễn Ngọc A cơ hội sửa chữa khuyết điểm nhưng anh Ngọc A vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã tìm cách giải quyết để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc A có 01 con chung là Nguyễn Tuệ M (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-9-2016. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh Nguyễn Ngọc A cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 16-5-2022, và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Trần Thị Ngọc A trình bày. Nay chị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không nhất trí ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Ngọc A có 01 con chung là Nguyễn Tuệ M (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-9-2016. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện tổ dân phố số 6, phường Văn M, TPND nơi anh Nguyễn Ngọc A và chị Trần Thị Ngọc A cư trú cung cấp: Vợ chồng chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Trường T, TPND vào ngày 30-11-2015. Vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 7/142/192 đường Trần Huy L, phường Trường T, TPND, tỉnh Nam Định. Hiện tại vợ chồng anh chị Ngọc A sinh sống tại số nhà 5/32/291 đường Văn C, phường Văn M, TPND, tỉnh Nam Định. Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ M (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-9-2016. Trong quá trình vợ chồng sinh sống tại địa phương: đại diện tổ dân phố không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa vợ chồng anh chị Ngọc A và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPND tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tuệ M (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-9-2016. Anh Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (một triệu đồng/tháng kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị Ngọc A phải nộp, án phí cấp dưỡng anh Nguyễn Ngọc A phải nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Ngọc A và giải quyết nuôi con chung; bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1.2. Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Trường T - TPND vào ngày 30-11-2015. Như vậy hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A là hôn

nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A đều khai do anh Nguyễn Ngọc A vay nợ sử dụng vào mục đích cá nhân chị Trần Thị Ngọc A không biết. Chính vì thế vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016. Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A cũng đã có biện pháp cùng nhau giải quyết để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc A, xử lý hôn giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ M (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-9-2016. Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con. Xét chị Trần Thị Ngọc A có điều kiện nuôi con, mặt khác cháu Nguyễn Tuệ M còn nhỏ và lại là con gái, nếu giao cháu cho mẹ nuôi dưỡng sẽ hợp lý hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Tuệ M cho chị Trần Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng:

Chị Trần Thị Ngọc A là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con và chị yêu cầu anh Nguyễn Ngọc A cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng). Xét yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc A là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng kinh tế của anh Nguyễn Ngọc A nên được chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng) kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Án phí Dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, án phí được quyết định như sau:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc A là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án chị Trần Thị Ngọc A đã nộp được khấu trừ vào án phí.

3.2. Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tuệ M (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-9-2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng) kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi cháu Nguyễn Tuệ M đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Ngọc A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005236 ngày 20-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.ND.

Án phí cấp dưỡng anh Nguyễn Ngọc A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

4. Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Trần Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc A có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án. Anh Nguyễn Ngọc A có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. ND;
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. ND;
- UBND phường Trường T, TP. ND (Giấy

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

chứng nhận kết hôn số 100 ngày 30-11-2015)
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mai Anh